

Bình Đại, ngày 18 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 301/2020/TLST – DS ngày 07 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Nguyễn Thị H, sinh năm 1953

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện BD, tỉnh Bến Tre.

2/ Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 82/144 LCT. Phường Y, Quận X. TPHCM.

Bị đơn:

1/ Nguyễn Phương H, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện BD, tỉnh Bến Tre.

2/ Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An

3/ Nguyễn Thị Lan P, sinh năm 1982.

Địa chỉ: xã HL, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

Chị Linh và chị Phương ủy quyền cho anh H tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 28/12/2018.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tạ Hoàng K, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp LT, xã LĐ, huyện BD, tỉnh Bến Tre

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về đất và cây trồng trên đất:

Bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Cẩm T được nhận một phần đất có diện tích $1.200m^2$ (Một ngàn hai trăm mét vuông), trong đó có $100m^2$ đất thổ cư và toàn bộ số cây trồng gắn liền với diện tích đất được nhận. Phần đất bà H và chị T được nhận thuộc một phần thửa 3 và 4, tờ số 01 (theo bản đồ 299) theo bản đồ mới (301) thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện BD, tỉnh Bến Tre. Đất có tứ cận như sau:

Hướng Bắc giáp sông Cửa Đại.

Hướng Nam giáp DH07.

Hướng Đông phần đất chung còn lại.

Hướng Tây giáp đất Nguyễn Bé N (thửa số 01).

Anh Nguyễn Phương H, chị Nguyễn Thị Trúc L và Nguyễn Thị Lan P được nhận toàn bộ phần diện tích đất còn lại và cây trồng trên đất, trong đó có $200m^2$ thổ cư sau khi đã trừ $1.200m^2$ đất mà bà H và chị Cẩm T đã nhận. Phần đất anh H, chị L, chị P nhận thuộc một phần thửa 3 và 4, tờ số 01 (theo bản đồ 299) theo bản đồ mới (301) thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện BD, tỉnh Bến Tre.

Đất có tứ cận như sau:

Hướng Bắc giáp sông Cửa Đại

Hướng Nam giáp DH07

Hướng Đông giáp phần đất Lê Văn M (thửa 176).

Hướng Tây giáp đất chung còn lại (phần bà H, chị Cẩm T nhận).

Do phần đất hai bên được nhận đã bị thu hồi làm khu công nghiệp Phú Thuận nên các bên không yêu cầu đo đạc mà đề nghị Tòa phân chia phần diện tích đất mỗi bên được nhận để làm cơ sở nhận tiền đền bù khi Nhà nước bồi thường tiền làm khu công nghiệp Phú Thuận nên ghi nhận.

2.2. Về các khoản tiền đền bù:

2.2.1: Tiền bồi thường Đê quốc phòng: là 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng) sau khi trừ các khoản chi phí mai táng, tiền làm nhà, tiền tiệm tổng cộng là 30.500.000đ (Ba mươi triệu năm trăm ngàn đồng) còn lại 6.500.000đ. Số tiền này bà hai bên thống nhất mỗi bên nhận $\frac{1}{2}$. Cụ thể : bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Cẩm T nhận 3.250.000đ, Anh Nguyễn Phương H, chị Nguyễn Thị Trúc L và Nguyễn Thị Lan P nhận 3.250.000đ.

2.2.2: Tiền đền bù nhà do làm khu công nghiệp Phú Thuận: là 50.000.000đ (Năm chục ngàn đồng). Số tiền này hai bên thống nhất mỗi bên nhận $\frac{1}{2}$. Cụ thể: bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Cẩm T nhận 25.000.000đ, Anh Nguyễn Phương H, chị Nguyễn Thị Trúc L và Nguyễn Thị Lan P nhận 25.000.000đ.

Những khoản tiền nêu trên các bên được nhận khi Nhà Nước đền bù.

2.3. Về nghĩa vụ trả tiền thuê đất:

Bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Cẩm T có nghĩa vụ trả cho anh Tạ Hoàng K 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)

Anh Nguyễn Phương H, chị Nguyễn Thị Trúc L và Nguyễn Thị Lan P có nghĩa vụ trả cho anh Tạ Hoàng K 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)

Số tiền trên bà H, chị T, anh H, chị L, chị P trả cho anh K một lần khi Nhà nước đền bù.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Cẩm T cùng chịu án phí là 375.000đ(Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ và số tiền tạm ứng án phí mà bà H và chị T đã nộp theo biên lai thu số 0021027 ngày 07/12/2018 và biên lai thu số 0001512 ngày 09/4/2014 của cơ quan Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Bà H và chị T được hoàn lại tổng số tiền chênh lệch là 2.575.000đ (Hai triệu năm trăm bảy lăm ngàn đồng).

Anh Nguyễn Phương H, chị Nguyễn Thị Trúc L và Nguyễn Thị Lan P cùng chịu án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Cơ quan THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

TRẦN VĂN TUẤN

